2026-10-22 CSCA30_De_13_Cau_001

Mã bài CSCA30_De_13_Cau_001
Đề 13 · Câu 001 · Ngày 2026-10-22
Chương 01 - Tập hợp · Dễ

Kết quả / 答案 B

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：元素用 $\in$。
→ 原理："$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第2步：$5 \in A$。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第3步：A、C、D 错误。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
说明：集合 A 的元素是所列出的数，其中包含 5，所以 $5 \in A$。单元素集合不等于其元素，$\subseteq$ 表示集合之间的包含关系。
结论：选 B。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Phần tử – tập dùng $\in$; tập – tập dùng $\subseteq$.
→ Lý thuyết: Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B). Tập rỗng là tập con của mọi tập.
Bước 2 – 5 có trong danh sách nên $5 \in A$ (B đúng).
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Bước 3 – A sai về ký hiệu; C: $\{5\}$ là tập con chứ không là phần tử; D: tập rỗng không là phần tử của A.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Kết luận: chọn B.

Mở đề bài / 查看题目